

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-30
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-30

10
CÔNG
THIỆM
KIẾ
VA
KIẾ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 05 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Hồng Sơn	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2020
Ông Nguyễn Huy Quang	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2019
Ông Vũ Hữu Tuyên	Ủy viên	
Ông Nguyễn Công Bằng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Anh Toàn	Ủy viên	
Ông Phạm Mạnh Hùng	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2019
Ông Lưu Thành Nam	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2019

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Toàn	Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Bằng	Phó Giám đốc	
Ông Phạm Mạnh Hùng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2019

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thúy Hạnh	Trưởng ban
Bà Đoàn Kim Anh	Thành viên
Ông Đoàn Duy Thái	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Anh Toàn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội được lập ngày 20 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



[Handwritten signature]

Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2020

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2018-002-1

CÔNG
TÍNH
KI
AASC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		58.929.266.143	52.648.083.642
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	32.429.920.460	28.192.324.306
111	1. Tiền		32.429.920.460	28.192.324.306
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	22.600.000.000	22.600.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		22.600.000.000	22.600.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.340.603.346	1.314.944.003
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	558.599.800	513.764.800
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.041.301.000	341.054.600
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	740.702.546	460.124.603
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		558.742.337	540.815.333
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	558.742.337	540.815.333
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		70.918.313.358	74.891.476.162
220	II. Tài sản cố định		69.625.400.146	73.712.017.496
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	69.185.725.168	72.888.343.090
222	- Nguyên giá		173.294.356.716	166.496.201.807
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(104.108.631.548)	(93.607.858.717)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	439.674.978	823.674.406
228	- Nguyên giá		2.309.888.682	2.272.988.682
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.870.213.704)	(1.449.314.276)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.292.913.212	1.179.458.666
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	1.292.913.212	1.179.458.666
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		129.847.579.501	127.539.559.804

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		15.755.490.739	16.131.827.639
310	I. Nợ ngắn hạn		15.755.490.739	16.131.827.639
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	3.603.648.683	5.393.468.912
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		20.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.577.465.436	1.182.934.869
314	4. Phải trả người lao động		8.527.912.655	7.211.498.735
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14	536.019.088	232.739.515
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	467.755.150	512.327.061
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.042.669.727	1.598.858.547
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		114.092.088.762	111.407.732.165
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	114.092.088.762	111.407.732.165
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		95.000.000.000	95.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		95.000.000.000	95.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.629.374	15.629.374
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.380.000.000	4.180.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.696.459.388	12.212.102.791
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		230.391.965	1.142.404.977
421b	LNST chưa phân phối năm nay		12.466.067.423	11.069.697.814
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		129.847.579.501	127.539.559.804

Xoan

[Signature]



Vũ Thị Loan
 Người lập

Thạch Thị Kim Nga
 Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Toàn
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	146.533.878.037	142.873.555.998
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		146.533.878.037	142.873.555.998
11	4. Giá vốn hàng bán	19	119.695.488.226	116.759.430.190
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.838.389.811	26.114.125.808
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.558.601.351	1.468.391.744
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	9.593.249.192	9.388.316.922
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.803.741.970	18.194.200.630
31	11. Thu nhập khác	22	323.648.976	99.568.167
32	12. Chi phí khác	23	115.548.121	1.052.879.982
40	13. Lợi nhuận khác		208.100.855	(953.311.815)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		19.011.842.825	17.240.888.815
	a. Chia lợi nhuận trước thuế cho đối tác của Công ty		3.056.000.000	3.056.000.000
	b. Lợi nhuận trước thuế của Công ty		15.955.842.825	14.184.888.815
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	3.489.775.402	3.115.191.001
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>12.466.067.423</u>	<u>11.069.697.814</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.312	1.165

Loan

Thạch Thị Kim Nga

Nguyễn Anh Toàn



Vũ Thị Loan
 Người lập

Thạch Thị Kim Nga
 Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Toàn
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		19.011.842.825	17.240.888.815
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		12.957.818.399	12.425.752.393
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.875.219.534)	(941.412.216)
07	- Các khoản điều chỉnh khác		294.238.182	429.724.637
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		30.388.679.872	29.154.953.629
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.022.226.465)	669.831.622
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.579.989.609)	(3.052.770.753)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(17.927.004)	(111.374.272)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.930.977.728)	(3.341.088.251)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.968.291.611)	(2.738.175.870)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		18.869.267.455	20.581.376.105
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8.990.867.457)	(6.458.007.326)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		316.618.183	(6.272.728)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.555.168.473	1.436.110.178
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.119.080.801)	(5.028.169.876)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.512.590.500)	(5.598.977.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.512.590.500)	(5.598.977.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.237.596.154	9.954.229.229
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		28.192.324.306	18.238.095.077
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	32.429.920.460	28.192.324.306

Loan

Thạch Thị Kim Nga



Vũ Thị Loan
 Người lập

Thạch Thị Kim Nga
 Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Toàn
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 05 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 95.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 95.000.000.000 đồng; tương đương 9.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ bến đỗ xe.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Cơ sở lưu trú khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Bến xe phía Bắc - Bến xe Gia Lâm
- Bến xe phía Tây - Bến xe Mỹ Đình
- Bến xe phía Nam - Bến xe Giáp Bát

Địa chỉ

- Hà Nội
- Hà Nội
- Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính

- Cung cấp dịch vụ bến xe
- Cung cấp dịch vụ bến xe
- Cung cấp dịch vụ bến xe

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội về việc hợp tác cho thuê bãi đỗ xe Mỹ Đình (khu mở rộng). Hợp đồng quy định phân chia lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp cho các bên tham gia. Cụ thể, Công ty sẽ thực hiện kế toán doanh thu, chi phí và lợi nhuận trước thuế cho hợp đồng. Hàng năm, Công ty sẽ phải trả cho Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ hợp đồng nhưng không được thấp hơn một khoản lợi nhuận cố định. Các bên tham gia sẽ tự chịu trách nhiệm kê khai và ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm theo quy định của Luật thuế hiện hành.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng thấp hơn khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Công ty thực hiện phân chia cho đối tác khoản lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng nhiều hơn hoặc bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của hợp đồng. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của hợp đồng.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Trường hợp Công ty huy động xe của các đơn vị không phải là doanh nghiệp vận tải kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ để phục vụ cho việc hỗ trợ, giải quyết nhu cầu vận tải hành khách lúc cao điểm trong các dịp lễ, Tết... thì Công ty nộp thuế TNDN thay cho các đối tượng đó như trường hợp cơ sở kinh doanh và đơn vị sự nghiệp xác định được đúng doanh thu nhưng không có đủ hóa đơn, chứng từ đầu vào để xác định được chi phí với mức thuế suất thuế TNDN là 2% trên doanh thu cung cấp dịch vụ.

2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Trong năm 2019, toàn bộ doanh thu của Công ty là từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê bến bãi và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	363.295.500	302.886.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.568.222.748	26.439.665.508
Tiền đang chuyển	498.402.212	1.449.772.798
	32.429.920.460	28.192.324.306

4 . ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	22.600.000.000	-	22.600.000.000	-
	22.600.000.000	-	22.600.000.000	-

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hoàn Kiếm với lãi suất từ 5,8% /năm đến 6,2%/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	94.782.000	-	92.782.000	-
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu - Chi nhánh Tổng công ty Vận tải Hà Nội	151.469.000	-	142.419.000	-
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	136.107.000	-	136.269.000	-
Phải thu khách hàng khác	176.241.800	-	142.294.800	-
	558.599.800	-	513.764.800	-
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	453.383.600	-	406.023.800	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Futech	562.890.000	-	134.165.000	-
Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Vinaconex	-	-	120.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Mặt trời Hoàn Cầu	-	-	86.889.600	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại và Dịch vụ THG	655.381.000	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng VINLIFE số 1	670.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	153.030.000	-	-	-
	2.041.301.000	-	341.054.600	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	395.000.000	-	391.567.122	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	10.545.026	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	16.168.820	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	8.562.215	-
Tạm ứng	294.000.000	-	-	-
Phải thu khác	41.157.520	-	43.826.446	-
	740.702.546	-	460.124.603	-

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	945.489.212	832.034.666
- Dự án bãi đỗ xe tải Phía Nam (1)	635.956.364	635.956.364
- Nhà để xe đa năng Bến xe Mỹ Đình (2)	196.078.302	196.078.302
- Xây dựng mái che công vào Bến xe Mỹ Đình	52.181.818	-
- Hệ thống mái che sân trà khách Bến xe Gia Lâm	61.272.728	-
Mua sắm tài sản cố định	347.424.000	347.424.000
- Giải pháp quản lý tập trung - Trung tâm điều hành (3)	347.424.000	347.424.000
	<u>1.292.913.212</u>	<u>1.179.458.666</u>

(1): Dự án xây dựng bãi đỗ xe trong phân khu S5 huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Đến thời điểm 31/12/2019, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế bãi đỗ xe. Công ty đã nhận được Công văn số 2756/UBND-DT ngày 19/06/2018 của UBND Thành phố Hà Nội về việc yêu cầu Công ty tập trung nguồn lực để tiếp tục triển khai giai đoạn 1, chấm dứt nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2 của dự án và lập hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngày 14/03/2019, Công ty đã gửi công văn số 132/CPBX cho Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội báo cáo về thông tin, tình hình triển khai và tiến độ thực hiện dự án để xin ý kiến chỉ đạo về dự án này.

(2): Dự án xây dựng nhà để xe đa năng ở bến xe Mỹ Đình. Đến thời điểm 31/12/2019, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế nhà để xe. Công ty đã nhận được Công văn số 2209/QHKT-TMB-PAKT-P1 ngày 19/04/2018 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hà Nội về việc chấp thuận tổng mặt bằng phương án kiến trúc của dự án.

(3): Dự án Giải pháp quản lý tập trung - Trung tâm điều hành nhằm phục vụ cho công tác giám sát tại các bến xe, quản lý theo dõi các xe ra vào bến xe thuộc Công ty. Đến thời điểm 31/12/2019, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến mảng cơ sở hạ tầng của dự án. Công ty dự kiến hoàn tất và đưa dự án vào sử dụng trong năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	147.853.616.825	1.616.797.274	6.752.661.938	10.273.125.770	166.496.201.807					
- Mua trong năm	-	106.450.000	1.420.232.273	690.762.500	2.217.444.773					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.368.255.411	-	-	960.610.909	6.328.866.320					
- Tặng khác (*)	294.201.818	-	-	-	294.201.818					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.787.087.602)	(255.270.400)	(2.042.358.002)					
Số dư cuối năm	153.516.074.054	1.723.247.274	6.385.806.609	11.669.228.779	173.294.356.716					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	81.007.575.814	1.453.704.628	4.263.039.549	6.883.538.726	93.607.858.717					
- Khấu hao trong năm	9.710.798.224	58.742.712	935.509.683	1.831.868.352	12.536.918.971					
- Tặng khác (*)	6.211.862	-	-	-	6.211.862					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.787.087.602)	(255.270.400)	(2.042.358.002)					
Số dư cuối năm	90.724.585.900	1.512.447.340	3.411.461.630	8.460.136.678	104.108.631.548					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	66.846.041.011	163.092.646	2.489.622.389	3.389.587.044	72.888.343.090					
Tại ngày cuối năm	62.791.488.154	210.799.934	2.974.344.979	3.209.092.101	69.185.725.168					

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.596.001.473 đồng.

(*): Điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra thuế của Cục thuế Thành phố Hà Nội ngày 28 tháng 08 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	2.272.988.682
- Mua trong năm	36.900.000
Số dư cuối năm	2.309.888.682
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.449.314.276
- Khấu hao trong năm	420.899.428
Số dư cuối năm	1.870.213.704
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	823.674.406
Tại ngày cuối năm	439.674.978
<i>Trong đó:</i>	
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	1.386.920.000 đồng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	558.742.337	540.815.333
	558.742.337	540.815.333

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Nam Thái	207.013.000	207.013.000	857.459.000	857.459.000
Công ty Cổ phần TPO	574.126.000	574.126.000	232.216.000	232.216.000
Phải trả các đối tượng khác	2.822.509.683	2.822.509.683	4.303.793.912	4.303.793.912
	3.603.648.683	3.603.648.683	5.393.468.912	5.393.468.912
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	11.000.000	11.000.000	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	608.337.949	9.307.860.328	9.531.155.534	9.531.155.534	-	385.042.743	-	-	-	-	385.042.743
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	503.240.934	3.547.409.757	2.930.977.728	2.930.977.728	-	1.119.672.963	-	-	-	-	1.119.672.963
Thuế Thu nhập cá nhân	-	71.355.986	456.461.513	455.067.769	455.067.769	-	72.749.730	-	-	-	-	72.749.730
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	2.693.382.331	2.693.382.331	2.693.382.331	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	6.000.000	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	14.284.508	14.284.508	14.284.508	-	-	-	-	-	-	-
	-	1.182.934.869	16.025.398.437	15.630.867.870	15.630.867.870	-	1.577.465.436	-	-	-	-	1.577.465.436

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

14 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	533.900.906	230.109.514
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	2.118.182	2.630.001
	<u>536.019.088</u>	<u>232.739.515</u>

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	100.318.300	275.964.430
- Bảo hiểm xã hội	2.825.287	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	7.536.296
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	54.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	301.334.020	213.924.520
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.277.543	14.901.815
	<u>467.755.150</u>	<u>512.327.061</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Báo cáo tài chính

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	95.000.000.000	15.629.374	1.900.000.000	12.019.881.976	108.935.511.350
Lãi trong năm trước	-	-	-	11.069.697.814	11.069.697.814
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.280.000.000	(10.877.476.999)	(8.597.476.999)
Số dư cuối năm trước	95.000.000.000	15.629.374	4.180.000.000	12.212.102.791	111.407.732.165
Số dư đầu năm nay	95.000.000.000	15.629.374	4.180.000.000	12.212.102.791	111.407.732.165
Lãi trong năm nay	-	-	-	12.466.067.423	12.466.067.423
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.200.000.000	(12.212.102.791)	(10.012.102.791)
Tăng khác (*)	-	-	-	230.391.965	230.391.965
Số dư cuối năm nay	95.000.000.000	15.629.374	6.380.000.000	12.696.459.388	114.092.088.762

(*): Điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra thuế của Cục thuế Thành phố Hà Nội ngày 28 tháng 08 năm 2019.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 195NQ/ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 04 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	100%	12.212.102.791
Trích Quỹ đầu tư phát triển	18,02%	2.200.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành	19,75%	2.412.102.791
Chi trả cổ tức (bằng 8% vốn điều lệ)	62,23%	7.600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	67,06%	63.704.000.000	67,06%	63.704.000.000
Công ty Cổ phần Hợp tác Đầu tư và Phát triển	16,35%	15.538.440.000	16,35%	15.538.440.000
Các cổ đông khác	16,59%	15.757.560.000	16,59%	15.757.560.000
	100%	95.000.000.000	100%	95.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	95.000.000.000	95.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>95.000.000.000</i>	<i>95.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>95.000.000.000</i>	<i>95.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>213.924.520</i>	<i>112.901.520</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	<i>7.600.000.000</i>	<i>5.700.000.000</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>7.600.000.000</i>	<i>5.700.000.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(7.512.590.500)</i>	<i>(5.598.977.000)</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>(7.512.590.500)</i>	<i>(5.598.977.000)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<i>301.334.020</i>	<i>213.924.520</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.500.000</i>	<i>9.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.500.000</i>	<i>9.500.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.380.000.000	4.180.000.000
	6.380.000.000	4.180.000.000

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2019, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Từ 1 năm trở xuống	536.019.088	232.739.515
	536.019.088	232.739.515

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 20 Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm; Số 9 Ngô Gia Khâm, Quận Long Biên và lô đất tại Bến xe Giáp Bát, Đường Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng và vận hành các bến xe. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ bến bãi	122.870.745.698	120.078.247.936
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	23.663.132.339	22.795.308.062
	146.533.878.037	142.873.555.998
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)</i>	7.936.923.281	7.879.728.730

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ bến bãi đã cung cấp	101.510.488.226	97.903.930.190
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	18.185.000.000	18.855.500.000
	119.695.488.226	116.759.430.190

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.558.601.351	1.468.391.744
	1.558.601.351	1.468.391.744

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	460.090.882	361.775.967
Chi phí nhân công	6.456.836.328	6.259.695.414
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.320.171.841	1.215.772.649
Chi phí dịch vụ mua ngoài	458.510.000	594.011.380
Chi phí khác bằng tiền	897.640.141	957.061.512
	9.593.249.192	9.388.316.922

22 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	316.618.183	95.454.545
Tiền phạt thu được	7.000.000	4.000.000
Thu nhập khác	30.793	113.622
	323.648.976	99.568.167

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

23 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	622.434.073
Các khoản bị phạt	111.612.121	1.770.000
Điều chỉnh chi phí dự án Bến xe Khuyến Lương	-	428.675.909
Chi phí khác	3.936.000	-
	115.548.121	1.052.879.982

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.955.842.825	14.184.888.815
Các khoản điều chỉnh tăng	1.493.034.183	1.391.066.192
- Chi phí không hợp lệ	1.493.034.183	1.391.066.192
Thu nhập chịu thuế TNDN	17.448.877.008	15.575.955.007
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	3.489.775.402	3.115.191.001
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	57.597.991	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp xe tăng cường (2%)	36.364	1.048.728
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	503.240.934	728.089.456
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.930.977.728)	(3.341.088.251)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.119.672.963	503.240.934

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	12.466.067.423	11.069.697.814
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	12.466.067.423	11.069.697.814
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.312	1.165

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.882.071.362	1.862.867.054
Chi phí nhân công	57.851.015.085	57.593.393.370
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.957.818.399	12.425.752.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.349.186.455	33.430.020.935
Chi phí khác bằng tiền	24.248.646.117	20.835.713.360
	129.288.737.418	126.147.747.112

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.429.920.460	-	28.192.324.306	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.299.302.346	-	973.889.403	-
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	22.600.000.000	-
	56.329.222.806	-	51.766.213.709	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	4.071.403.833	5.905.795.973
	4.071.403.833	5.905.795.973

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.429.920.460	-	-	32.429.920.460
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.299.302.346	-	-	1.299.302.346
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	-	22.600.000.000
	<u>56.329.222.806</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>56.329.222.806</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.192.324.306	-	-	28.192.324.306
Phải thu khách hàng, phải thu khác	973.889.403	-	-	973.889.403
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	-	22.600.000.000
	<u>51.766.213.709</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>51.766.213.709</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	4.071.403.833	-	-	4.071.403.833
	<u>4.071.403.833</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.071.403.833</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	5.905.795.973	-	-	5.905.795.973
	<u>5.905.795.973</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.905.795.973</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty mẹ
Trung tâm Tân Đạt	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt 10 - 10	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Trung tâm Điều hành xe buýt	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hợp tác đầu tư và Phát triển	Cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu	7.936.923.281	7.879.728.730
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	-	29.422.727
Trung tâm Tân Đạt	287.227.997	647.618.723
Xí nghiệp Xe buýt 10 - 10	494.137.271	573.598.177
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	538.895.456	540.229.091
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	542.564.357	371.713.630
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	1.448.304.539	1.448.959.088
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	1.606.408.182	1.571.175.462
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	845.600.918	717.880.912
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	1.007.910.921	881.912.738
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	118.669.095	-
Trung tâm Điều hành xe buýt	23.495.455	24.418.182
Công ty Cổ phần Hợp tác đầu tư và Phát triển	1.023.709.090	1.072.800.000
Mua tài sản, dịch vụ	1.452.215.859	85.545.453
Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm Hà Nội	1.260.112.391	-
Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội	24.545.457	-
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	84.376.192	-
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	83.181.819	85.545.453
Phân chia lợi nhuận trước thuế hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.056.000.000	3.056.000.000
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	3.056.000.000	3.056.000.000
Cổ tức đã chia	6.339.395.200	4.754.546.400
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	5.096.320.000	3.822.240.000
Công ty Cổ phần Hợp tác đầu tư và Phát triển	1.243.075.200	932.306.400

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	453.383.600	406.023.800
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	32.666.000	11.204.200
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	9.801.000	9.837.000
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	136.107.000	136.269.000
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	151.469.000	142.419.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	17.398.600	13.512.600
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	94.782.000	92.782.000
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	11.160.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn	11.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	11.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	429.020.000	591.400.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	675.440.000	818.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Vũ Thị Loan
Người lập

Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Toàn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

